

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 769/TTr-STNMT ngày 28/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Nhôm Chuangxing Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại lô CN01, khu công nghiệp Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Sản xuất các loại nhôm định hình” tại lô CN-01, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

- Tên dự án đầu tư: Sản xuất các loại nhôm định hình.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Nhôm Chuangxing Việt Nam.
- Địa điểm hoạt động: Lô CN-01, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 2400767607 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/07/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 22/12/2021.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 2145218170 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 21/7/2015, chứng nhận thay đổi lần thứ tám ngày 15/07/2022.

1.5. Mã số thuế: 2400767607

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Sản xuất các loại nhôm định hình.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án thực hiện tại lô CN-01, KCN Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích sử dụng đất 30.000m².

- Quy mô, công suất:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ 119.500 tấn sản phẩm/năm. Trong đó: Phôi nhôm: 60.000 tấn/năm; Thỏi nhôm hợp kim: 30.000 tấn/năm; Nhôm định hình được phun sơn: 20.000 tấn/năm; Nhôm định hình được oxy hóa, điện phân tạo màu, điện di phun cát: 9.500 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Nhôm Chuangxing Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Nhôm Chuangxing Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Nhôm Chuangxing Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 27/9/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Sản xuất các loại nhôm định hình” tại lô CN-01 khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Nhôm Chuangxing Việt Nam làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư “Sản xuất các loại nhôm định hình” tại lô CN-01, khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Nhôm Chuangxing Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1099/QĐ-TNMT ngày 30/10/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Nhôm Chuangxing Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương; UBND huyện Việt Yên, UBND xã Vân Trung, Công ty TNHH Nhôm Chuangxing Việt Nam và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình oxy hóa; từ hệ thống xử lý khí thải của dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800m³/ngày đêm của dự án để xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đầu nối với hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên do Công ty TNHH Fugiang (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (Theo Biên bản thỏa thuận điểm đầu nối công trình nước thải ngày 25/8/2022 giữa Công ty TNHH Fugiang và Công ty TNHH Nhôm Chuangxing Việt Nam), sau đó xả ra môi trường; dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

* Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của dự án được thu gom bằng ống nhựa PVC D110 về 04 bể tự hoại 3 ngăn tổng dung tích 65,28 m³ (dung tích 16,32 m³/bể) để xử lý sơ bộ, sau đó được dẫn qua ống PVC DN200 với tổng chiều dài 146m về hệ thống xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày đêm để xử lý.

* Nước thải sản xuất:

- Nước thải sản xuất từ công đoạn oxy hóa (bao gồm nước thải chứa Phốt pho và Niken và nước thải không chứa Phốt pho và Niken) và nước thải từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom bằng cống D300 với tổng chiều dài 56m về hệ thống xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước làm mát phát sinh từ quá trình làm mát nhôm thổi được thu gom, xử lý qua các bể nước ngầm và bể nước nổi sau đó tái tuần hòa sử dụng, không thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m³/ngày đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải chứa Phốt pho và Niken → bể điều hòa Phốt pho, Niken → Bể phản ứng Phốt pho, Niken → Bể lắng Phốt pho, Niken → Máy lọc áp kiểu hộp → bể nước thải tổng hợp.

+ Nước thải chứa Phốt pho và Niken sau khi xử lý theo quy trình trên + nước thải không chứa Phốt pho và Niken + nước thải từ hệ thống xử lý khí thải → Bể nước thải tổng hợp → Lưới lọc đơn giản → Bể trung hòa → Bể điều hòa tổng hợp → Bể lắng tổng hợp → Bể chứa nước sạch (nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) → Hệ thống thu gom nước thải của KCN Vân Trung.

+ Nước thải sinh hoạt → bể tập trung nước thải sinh hoạt → Bể AAO → Bể chứa nước sạch (nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) → Hệ thống thu gom nước thải của KCN Vân Trung.

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung: 800 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m³/ngày đêm:

+ PAM (anionic polyacrylamide): 30kg/ngày.

+ Vôi bột Ca(OH)₂: 100kg /ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, thuê đơn vị có chức năng hút, vận chuyển xử lý theo đúng quy định, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý. Trong trường hợp sự cố

kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý nước thải để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/01/2024 đến ngày 01/02/2024.

2.2 Công trình thiết bị vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m³/ ngày đêm.

2.2.1 Vị trí lấy mẫu

- Trước và sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m³/ngày đêm.

2.2.2 Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)
1	Màu	Pt/Co	150
2	pH	-	5,5 - 9
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
4	COD	mg/l	150
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
6	Niken	mg/l	0,5
7	Tổng xianua	mg/l	0,1
8	Tổng phenol	mg/l	0,5
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10

10	Sunfua	mg/l	0,5
11	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
12	Tổng nitơ	mg/l	40
13	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6
14	Coliform	vi khuẩn/ 100ml	5000

2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn vận hành ổn định			
1	02 vị trí nước thải đầu vào trong đó: 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể tập trung nước thải sinh hoạt; 01 vị trí nước thải đầu vào tại bể nước thải tổng hợp	Lấy mẫu đơn 01 lần/ngày. Thời gian dự kiến: Ngày 15/01/2024	pH, màu, BOD ₅ (20°C), COD, Chất rắn lơ lửng, Niken, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua,	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
2	01 vị trí nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải	Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần, trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 15/01/2024 - Lần 2: Ngày 16/01/2024 - Lần 3: Ngày 17/01/2024	Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Coliform.	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:** có 04 nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ các lò nung;
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ các lò gia nhiệt;
- Nguồn số 03: Bụi từ máy xay xỉ nhôm;
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ công đoạn oxy hóa.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: Có 02 dòng khí thải tại 02 ống thoát khí sau 02 hệ thống xử lý khí thải của dự án, cụ thể:

- Dòng khí thải số 1 (tương ứng với nguồn số 01, 02, 03): Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ các lò nung, lò gia nhiệt và bụi từ máy xay xỉ nhôm.

- Dòng khí thải số 2: Khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn oxy hóa.

2.1. Vị trí xả khí thải

- Vị trí số 01 (tương ứng dòng khí thải số 1): Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ các lò nung, lò gia nhiệt và bụi từ máy xay xỉ nhôm. Toạ độ vị trí xả khí thải: X= 2350583; Y= 409841.

- Vị trí số 02 (tương ứng dòng khí thải số 2): Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn oxy hóa. Toạ độ vị trí xả khí thải: X = 2350575; Y= 409938).

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰):`

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Vị trí số 01: 24.000 m³/giờ tương đương 192.000 m³/ngày.
- Vị trí số 02: 30.000 m³/giờ tương đương 240.000 m³/ngày.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (thời gian làm việc 08 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19: 2009/BTNMT cột B		Tần suất quan trắc định kỳ
			Vị trí số 1	Vị trí số 2	
1	Hơi H ₂ SO ₄ , tính theo SO ₃	(mg/Nm ³)	-	50	6 tháng/lần
2	Hơi HNO ₃ , tính theo NO ₂	(mg/Nm ³)	-	500	
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	200	
4	CO	mg/Nm ³	1.000	1.000	
5	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850	850	
6	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500	500	

Ghi chú: “-”: Không quan trắc

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

* Chủ dự án đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải gồm 02 modul xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ các lò nung, lò gia nhiệt và bụi từ máy xay xỉ nhôm, cụ thể như sau:

- Khí thải phát sinh từ khu vực lò nung, lò gia nhiệt và bụi từ máy xay xỉ nhôm số 1: Được thu gom bằng 4 chụp hút kích thước 4m x 3m thu bụi, khí thải về khoang đập bụi, làm mát qua đường ống từ Ø1000 đến Ø1200, chiều dài 5m về tháp lọc bụi sau đó qua đường ống Ø1700, chiều dài 1,5m

- Khí thải phát sinh từ khu vực lò nung, lò gia nhiệt và bụi từ máy xay xỉ nhôm số 2: Được thu gom bằng 4 chụp hút kích thước 4m x 3m thu bụi, khí thải về khoang đập bụi, làm mát qua đường ống Ø1000-1200 chiều dài 5m về tháp lọc bụi sau đó qua đường ống Ø1700, chiều dài 1,5m

Sau đó toàn bộ khí thải phát sinh từ khu vực lò nung, lò gia nhiệt và bụi từ máy xay xỉ nhôm số 1 và số 2 được 02 quạt hút thu gom về tháp xử lý than hoạt tính bằng đường ống Ø1700 chiều dài 0,7m để xử lý sau đó thoát ra qua ống thoát khí từ Φ5000 đến Φ2500 chiều cao 21m.

* Khí thải từ công đoạn oxy hóa: Các bể trong dây chuyền oxy hóa được lắp đặt các chụp hút để thu gom hơi/khí thải chứa axit phát sinh và dẫn vào hệ thống đường ống thu gom đến tháp hấp thụ để xử lý, cụ thể như sau: Khí thải phát

sinh được thu gom bằng 13 chụp hút kích thước 4,5m x 2m về các ống dẫn khí D160, chiều dài 3m, ống dẫn khí D400, chiều dài 10m và ống dẫn khí D600, chiều dài 12m sau đó được quạt hút về tháp hấp thụ khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

* Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các lò nung, lò gia nhiệt và bụi từ máy xay xỉ nhôm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các lò nung, lò gia nhiệt và bụi từ máy xay xỉ nhôm: Khí thải → Chụp hút → khoang đập bụi, làm mát → tháp lọc bụi → quạt hút → tháp xử lý bằng than hoạt tính → ống thoát khí → Môi trường (khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: 24.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng của hệ thống xử lý khí thải: Than hoạt tính: 200 kg/năm.

* Hệ thống xử lý khí thải phát sinh công đoạn oxy hóa

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn oxy hóa: Khí thải → chụp hút → Ống dẫn khí → quạt hút → tháp hấp thụ (sử dụng dung dịch NaOH) → ống thoát khí → Môi trường (khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý khí thải: 30.000m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng của hệ thống xử lý khí thải: Dung dịch NaOH: 15 m³/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

1.3.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố môi trường

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật và hướng dẫn vận hành của đơn vị thiết kế.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các đường ống thu gom, các thiết bị xử lý, kịp thời sửa chữa và thay thế khi phát hiện các dấu hiệu hỏng hóc với tần suất 6 tháng/lần.

1.3.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố môi trường

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, chủ dự án thực hiện báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

- Trường hợp khí thải vượt quy chuẩn đầu ra cho phép, tạm dừng hoạt động để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt

động đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các lò nung, lò gia nhiệt và bụi từ máy xay xỉ nhôm: Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 2804/GXN-TNMT ngày 19/8/2021 nên Chủ dự án không thực hiện vận hành thử nghiệm.

- Chủ dự án thực hiện vận hành thử nghiệm đối với 01 Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn oxy hóa.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/01/2024 đến ngày 01/02/2024

2.2. Công trình, thiết bị vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn oxy hoá.

2.2.1 Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn oxy hoá.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại 01 ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn oxy hoá	Hơi H ₂ SO ₄ , tính theo SO ₃ ; Hơi HNO ₃ , tính theo NO ₂ ; Bụi tổng; CO; Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂); Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ .	Giai đoạn vận hành ổn định: Lấy 01 mẫu đơn đầu ra tần suất 1 ngày/lần, trong 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 15/01/2024 - Lần 2: Ngày 16/01/2024 - Lần 3: Ngày 17/01/2024	QCVN 19:2009/BTN MT, cột B

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất khu vực oxy hóa;

- Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất khu vực lò nung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰)

- Nguồn số 1: Tại vị trí đặt máy móc, thiết bị sản xuất khu vực oxy hóa. Tọa độ vị trí phát sinh: X= 2350545; Y= 409930

- Nguồn số 2: Tại vị trí đặt máy móc, thiết bị sản xuất khu vực lò nung. Tọa độ vị trí phát sinh X= 2350571; Y= 409841

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	1,4m/s ²	1,4m/s ²	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Máy móc được bảo trì bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo chất lượng khi vận hành, giảm tiếng ồn và giảm rung. Đối với thiết bị vận hành cố định như máy bơm, máy phát điện dự phòng có thể sử dụng tường cách âm để giảm ồn.

- Bố trí các loại máy móc có tiếng ồn cao trong các khu vực khép kín, phòng riêng, lắp đặt chân đệm cao su giảm rung động, ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất.

- Bố trí thời gian làm việc cho các cán bộ, công nhân viên hợp lý để tránh tình trạng bị tác động của tiếng ồn, độ rung kéo dài.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị máy móc phát sinh tiếng ồn, độ rung,...

- Bổ sung dải cây xanh, vừa tăng cường cảnh quan cho Nhà máy vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh, đồng thời, giúp cải thiện môi trường không khí thêm trong lành.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	24
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	6.400
3	Giẻ lau, vải bảo vệ có dính thành phần nguy hại	150
4	Xỉ nhôm	903.500
5	Bụi thu hồi từ quá trình xử lý khí thải phát sinh từ các lò nung, lò gia nhiệt và bụi từ máy xay xỉ nhôm	7.200
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	1.200
7	Than hoạt tính thải bỏ	200
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	7.000
9	Cặn từ hệ thống xử lý khí thải công đoạn oxy hóa	18,75
Tổng		925.692,75

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (Tấn/năm)
1	Nhôm thừa, đầu mẫu, bavias, mẫu thử tại khu vực nung, đúc nhôm	675
2	Đầu mẫu, vụn nhôm từ quá trình cắt kích thước, làm sạch bề mặt nhôm tại khu vực đùn ép, sản xuất nhôm định hình	40

3	Bao bì đựng nguyên vật liệu thải bỏ, cặn từ quá trình nạo vét bể tuần hoàn nước làm mát	0,6
Tổng		715,6

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh 50 kg/ngày, thành phần chủ yếu là bao bì, thức ăn thừa, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí 08 thùng nhựa loại 120 lít/thùng và 01 thùng nhựa loại 500 lít có nắp đậy, có dán mã chất thải nguy hại (CTNH), dấu hiệu cảnh báo theo quy định tương ứng với chất thải phát sinh tại dự án.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 25m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho kết cấu kiên cố, tường xây gạch, trát vữa xi măng, mái lợp tôn, cửa thép, bên ngoài có lắp biển cảnh báo nguy hại

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định (Tần suất 1 tuần/lần hoặc thay đổi tùy vào tình hình hoạt động thực tế của dự án).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 03 thùng bằng nhựa loại 500 lít/thùng đặt tại khu vực sản xuất, cuối giờ chiều mỗi bộ phận bố trí công nhân tập trung chất thải rắn sản xuất về kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa chất thải rắn sản xuất thông thường: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho kết cấu kiên cố, tường xây gạch, trát vữa xi măng, mái lợp tôn, cửa thép.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định (Tần suất vận chuyển 7 ngày/lần hoặc thay đổi tùy vào tình hình hoạt động thực tế của dự án)

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 06 thùng bằng nhựa loại 60 lít/thùng đặt tại khu vực văn phòng, nhà điều hành; 04 thùng bằng nhựa loại 120 lít/thùng đặt ở khu vực sảnh, hành lang;

02 thùng bằng nhựa loại 120 lít/thùng đặt ở khu vực nhà ăn; 02 thùng bằng nhựa loại 240 lít/thùng đặt ở khu vực bãi đỗ xe.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: 4m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Nền đổ bê tông, mái che tôn.
- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định (tuần suất 1 lần/ngày).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời; chỉ được tiếp tục hoạt động dự án khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(*Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023*
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH Nhôm Chuangxing Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh tại dự án để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp Vân Trung đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 769/TTr-TNMT ngày 28/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.